



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**  
**THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN BKR INTERNATIONAL**  
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

**CÔNG TY TNHH MTV TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NAM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**CÔNG TY TNHH MTV TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NAM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014



**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH	10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 25

2228  
G T  
M H  
/A BIP  
NAI  
TP

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Thiết bị y tế Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Tổng Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Ban Tổng giám đốc điều hành Tổng Công ty cho năm tài chính 2014 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Ông Trịnh Văn Mạo	Tổng giám đốc
Ông Trần Văn Bông	Phó Tổng giám đốc
Ông Ngô Ngọc Đức	Phó Tổng giám đốc

### Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2014 của Tổng Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

*Thay mặt Ban Tổng giám đốc,*  
**CÔNG TY TNHH MTV TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NAM**



**Trịnh Văn Mạo**  
**Tổng giám đốc**  
Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2015

Số: 139 -15/BC-TC/IV-VAE

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2015

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Ban Tổng giám đốc  
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Thiết bị y tế Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Thiết bị y tế Việt Nam, được lập ngày 26/02/2015, từ trang 06 đến trang 25, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Tổng Công ty chưa thực hiện đánh giá khoản dự phòng cần thiết (nếu có) liên quan đến các khoản đầu tư tài chính dài hạn. Tại thời điểm kiểm toán, chúng tôi chưa được cung cấp báo cáo tài chính của các Công ty mà Tổng Công ty có đầu tư tài chính nên chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán khác để xác định có cần thiết phải lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Tổng Công ty.

## Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo kiểm toán được lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt. Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Thiết bị y tế Việt Nam giữ năm (05) bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ một (01) bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



**Trần Quốc Tuấn**  
Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0148-2013-034-1

A blue ink signature of Ngô Bá Duy.

**Ngô Bá Duy**  
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1107-2014-034-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>89.386.109.959</b>	<b>74.204.993.045</b>
<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>63.565.979.950</b>	<b>57.754.619.704</b>
1 Tiền	111		599.810.547	554.619.704
2 Các khoản tương đương tiền	112		62.966.169.403	57.200.000.000
<b>II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>8.500.000.000</b>	<b>11.000.000.000</b>
1 Đầu tư ngắn hạn	121		8.500.000.000	11.000.000.000
2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>15.986.330.340</b>	<b>4.956.323.542</b>
1 Phải thu của khách hàng	131	VIII.3.1	9.941.311.859	2.649.753.020
2 Trả trước cho người bán	132	VIII.3.2	4.779.796.527	40.316.000
5 Các khoản phải thu khác	135	V.03	1.265.221.954	2.266.254.522
<b>IV Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.109.825.912</b>	<b>456.132.752</b>
1 Hàng tồn kho	141	V.04	1.109.825.912	456.132.752
<b>V Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>223.973.757</b>	<b>37.917.047</b>
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		148.053.612	16.142.962
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	75.653.845	7.838.384
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	VIII.3.3	266.300	13.935.701
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>31.099.814.431</b>	<b>28.932.626.653</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>521.380.900</b>	<b>676.518.796</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	521.380.900	676.518.796
- Nguyên giá	222		2.639.815.409	2.639.815.409
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.118.434.509)	(1.963.296.613)
<b>III Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.07</b>	<b>30.426.049.900</b>	<b>28.101.000.000</b>
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		16.099.219.900	14.670.000.000
3 Đầu tư dài hạn khác	258		14.326.830.000	13.431.000.000
<b>V Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>152.383.631</b>	<b>155.107.857</b>
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	152.383.631	155.107.857
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>120.485.924.390</b>	<b>103.137.619.698</b>

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này).



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
<b>A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>17.803.917.596</b>	<b>9.983.236.702</b>
<b>I Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>17.803.917.596</b>	<b>9.983.236.702</b>
1 Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2 Phải trả người bán	312	VIII.3.4	8.913.485.656	1.359.475.338
3 Người mua trả tiền trước	313	VIII.3.5	6.670.499.965	-
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.09	1.398.943.301	1.507.013.379
5 Phải trả người lao động	315		464.194.967	322.551.000
6 Chi phí phải trả	316		-	25.000.000
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.10	112.081.799	6.584.205.277
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		244.711.908	184.991.708
<b>II Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>102.682.006.794</b>	<b>93.154.382.996</b>
<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.11</b>	<b>102.682.006.794</b>	<b>93.154.382.996</b>
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		43.287.788.896	43.287.788.896
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		11.105.616.280	8.908.182.412
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		-	910.061.868
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		8.814.296.981	6.151.853.231
12 Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		39.474.304.637	33.896.496.589
<b>II Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>120.485.924.390</b>	<b>103.137.619.698</b>

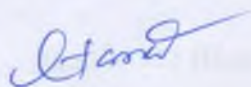
**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	Thuyết Minh	31/12/2014	01/01/2014
5 Ngoại tệ các loại		1.611,20	1.610,34

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2015

CÔNG TY TNHH MTV TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NAM

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hằng

Tổng giám đốc



Trịnh Văn Mạo

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này).

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Số	Thuyết Minh	Năm 2014	Năm 2013
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.12	29.431.388.593	12.117.015.531
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		29.431.388.593	12.117.015.531
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.13	28.508.972.260	11.488.220.968
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		922.416.333	628.794.563
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.14	6.035.644.605	6.181.606.743
7 Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8 Chi phí bán hàng	24	VIII.3.6	44.578.560	62.701.889
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.3.7	2.662.511.728	2.723.498.994
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		4.250.970.650	4.024.200.423
11 Thu nhập khác	31	VIII.3.8	156.193.963	681.818
12 Chi phí khác	32	VIII.3.9	30.949.860	-
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		125.244.103	681.818
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		4.376.214.753	4.024.882.241
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.15	84.974.901	122.976.810
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		4.291.239.852	3.901.905.431

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2015

CÔNG TY TNHH MTV TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NAM

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hằng

Tổng giám đốc



Trịnh Văn Mạo

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này).

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

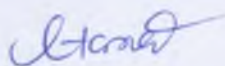
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2014	Năm 2013
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		30.831.327.574	11.721.905.398
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(27.367.670.097)	78.768.809.402
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.217.516.908)	(1.180.324.000)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(175.416.810)	(636.134.035)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.512.154.927	3.688.978.163
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(3.950.604.758)	(302.063.233)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(367.726.072)</b>	<b>92.061.171.695</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	681.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(11.700.000.000)	(46.530.616.250)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		12.700.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.325.049.900)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.504.136.218	5.458.561.790
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>6.179.086.318</b>	<b>(41.071.372.642)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>5.811.360.246</b>	<b>50.989.799.053</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		57.754.619.704	6.764.820.651
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>V.01</b>	<b>63.565.979.950</b>	<b>57.754.619.704</b>

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2015

CÔNG TY TNHH MTV TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NAM

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hằng

Tổng giám đốc



Trịnh Văn Mạo

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này).

Mẫu số 02b - DN

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

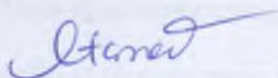
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Số còn phải nộp năm trước chuyển qua	Số phát sinh phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp chuyển qua năm sau
A	B	C	1	2	3	4=1+2-3
<b>I</b>	<b>Thuế</b>	<b>10</b>	<b>76.301.486</b>	<b>172.901.220</b>	<b>322.658.590</b>	<b>(73.455.884)</b>
1	Thuế GTGT hàng bán nội địa	11	(7.615.101)	128.521.412	128.521.412	(7.615.101)
	Thuế GTGT nộp thừa		(7.615.101)	-	-	(7.615.101)
	Thuế GTGT phải nộp		-	128.521.412	128.521.412	-
2	Thuế GTGT hàng nhập khẩu	12	-	-	-	-
3	Thuế Tiêu thụ đặc biệt	13	-	-	-	-
4	Thuế Xuất, nhập khẩu	14	-	-	-	-
5	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	15	84.139.870	93.474.901	175.416.810	2.197.961
6	Thuế Tài nguyên	16	-	-	-	-
7	Thuế Nhà đất	17	-	6.213.024	6.213.024	-
8	Tiền thuê đất	18	-	(65.059.700)	-	(65.059.700)
9	Các khoản thuế khác	19	(223.283)	9.751.583	12.507.344	(2.979.044)
	Thuế môn bài		-	3.000.000	3.000.000	-
	Thuế thu nhập cá nhân		(223.283)	6.751.583	9.507.344	(2.979.044)
	Các loại thuế khác		-	-	-	-
<b>II</b>	<b>Các khoản phải nộp khác</b>	<b>30</b>	<b>1.422.873.509</b>	<b>2.796.745.340</b>	<b>2.822.873.509</b>	<b>1.396.745.340</b>
1	Các khoản phụ thu	31	-	-	-	-
2	Các khoản phí, lệ phí	32	-	-	-	-
3	Các khoản khác	33	-	-	-	-
4	Thu điều tiết		-	-	-	-
5	Các khoản nộp phạt		-	-	-	-
6	Nộp khác		1.422.873.509	2.796.745.340	2.822.873.509	1.396.745.340
	<b>TỔNG CỘNG (40=10+30)</b>	<b>40</b>	<b>1.499.174.995</b>	<b>2.969.646.560</b>	<b>3.145.532.099</b>	<b>1.323.289.456</b>

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2015

CÔNG TY TNHH MTV TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NAM

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hằng



Trịnh Văn Mạo

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này).

Mẫu số B 09 - DN

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

### I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Thiết bị y tế Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty"), tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Y tế được thành lập theo Quyết định số 720/BYT-QĐ ngày 02/5/1996 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Tổng công ty chính thức chuyển thành Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu theo QĐ số 4317/QĐ – BYT ngày 16/11/2011 của Bộ Y tế và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 111335 ngày 19/10/1996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100124376 thay đổi lần thứ nhất ngày 20/04/2012.

Theo giấy chứng nhận kinh doanh số 0100124376 thay đổi lần thứ nhất ngày 20/04/2012 thì vốn điều lệ của Tổng Công ty là: **84.949.807.017 đồng** (Tám mươi bốn tỷ, chín trăm bốn chín triệu, tám trăm linh bảy nghìn không trăm mười bảy đồng)

Vốn pháp định: **6.000.000.000 đồng** (Sáu tỷ đồng chẵn)

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ hậu cần, kinh doanh thiết bị y tế, vật tư tiêu hao, hóa chất dùng trong gia dụng và y tế.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh xuất nhập khẩu trang thiết bị, hóa chất, dụng cụ y tế;
- Kinh doanh các loại xe ô tô kể cả xe chuyên dụng như xe cứu thương;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Kinh doanh bất động sản, kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Xây dựng công trình y tế và dân dụng./.

#### Trụ sở chính

Trụ sở chính: Số 1 Ngõ 135 Phố Núi Trúc - Kim Mã - Ba Đình - Hà Nội  
Tel: (84-4) 38 463 512 Fax: (84-4) 38 443 260

### II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

#### 1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 - Chuẩn mực chung.

Mẫu số B 09 - DN

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014  
(tiếp theo)

### III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp”.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Tổng Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán EFFECT.

### IV. Các chính sách kế toán áp dụng

#### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Khoản tương đương tiền của Công ty là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam và Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Đình được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ khi phát sinh hoạt động gửi tiền.

#### *Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán*

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá thực tế của các ngân hàng mà Tổng công ty có giao dịch. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính số dư các khoản tiền có gốc ngoại tệ đã được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái mua vào của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam công bố tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính.

#### 2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

#### *Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

*Giá gốc hàng tồn kho bao gồm:* Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh

#### *Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Tại thời điểm 31/12/2014, Tổng Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.



Mẫu số B 09 - DN

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014  
(tiếp theo)

### 3. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty gồm:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Thời gian khấu hao &lt;năm&gt;</u>
- Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 20
- Phương tiện vận tải	10
- Thiết bị quản lý	03 - 06

### 4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Tổng Công ty là các khoản cho vay có thời hạn thu hồi dưới một năm, được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày cho vay và các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Tổng Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt chuyển các Công ty thành viên của Tổng Công ty Thiết bị y tế Việt Nam thành Công ty cổ phần và vốn góp của Tổng Công ty tại các đơn vị này được dựa trên biên bản bàn giao từ Công ty Nhà nước sang Công ty cổ phần.

Tại thời điểm 31/12/2014, Tổng Công ty chưa trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính.

### 5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn được vốn hóa để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau là các loại chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa. Tổng Công ty thực hiện việc phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian 2 năm.

### 6. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Tổng Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay.

### 7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Tổng Công ty là doanh thu hoạt động kinh doanh các thiết bị y tế, doanh thu cho thuê văn phòng và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng và lãi cho vay.

Mẫu số B 09 - DN

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014  
(tiếp theo)

Doanh thu hoạt động kinh doanh các thiết bị y tế được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu và sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích ghi nhận khi chuyển giao hàng hóa cho khách hàng, phát hành hóa đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 05 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu dịch vụ cho thuê văn phòng được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã phát hành hóa đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi ngân hàng và lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

### 8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

### 9. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

#### 9.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo hợp đồng và ghi nhận theo hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

Tại thời điểm 31/12/2014, Tổng Công ty không có công nợ phải thu khó đòi hay quá hạn thanh toán cần trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

#### 9.2 Các nghĩa vụ về thuế

##### Thuế giá trị gia tăng

Tổng Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế giá trị gia tăng theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất là 5% đối với cung cấp thiết bị y tế và 10% đối với hoạt động khác.

##### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

**Thuế khác**

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**9.3. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hoạt động kinh doanh các thiết bị y tế được ghi nhận trên cơ sở số lượng hàng xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Tiền mặt</b>	<b>82.860.784</b>	<b>87.042.875</b>
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>516.949.763</b>	<b>467.576.829</b>
<b>VND</b>	<b>483.425.517</b>	<b>434.084.488</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Ba Đình	101.054.626	100.027.324
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Đình	224.078.293	301.359.561
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	4.674.408	4.657.356
Công ty CP Chứng khoán FPT	1.999.767	451.186
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	20.569.052	27.589.061
Ngân hàng TMCP Hàng Hải (Quỹ HTSXD)	131.049.371	-
<b>USD</b>	<b>33.524.246</b>	<b>33.492.341</b>
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	33.524.246	33.492.341
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>62.966.169.403</b>	<b>57.200.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	13.000.000.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	4.000.000.000	2.500.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Đình	21.000.000.000	41.700.000.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải (Quỹ HTSXD)	13.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Đình (Quỹ HTSXD)	24.966.169.403	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>63.565.979.950</b>	<b>57.754.619.704</b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Đầu tư ngắn hạn khác</b>	<b>8.500.000.000</b>	<b>11.000.000.000</b>
Công ty CP MERUFA	3.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Đình	-	6.000.000.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

Công ty CP TMDV và Thiết bị y tế Hà Huy	2.000.000.000	-
Công ty CP Thiết bị y tế Việt Gia	1.500.000.000	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu y tế MAC Việt Nam	2.000.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.500.000.000</b>	<b>11.000.000.000</b>
<b>3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i>Các khoản phải thu khác</i>	<i>1.090.541.954</i>	<i>2.091.574.522</i>
Công ty CP Đầu tư Y tế và giáo dục Việt Nam	844.723.062	728.453.062
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Y tế	194.336.528	194.336.528
Bệnh viện Nhiệt đới Trung ương	27.846.000	-
Trung tâm Kiểm dịch y tế Quốc tế tỉnh Quảng Trị	10.000.000	10.000.000
Công ty CP Thiết bị y tế MEDINSCO	9.509.091	-
Tổng Công ty CP Y tế DANAMECO	4.127.273	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay vốn phải thu đến 31/12/2013	-	1.052.384.932
Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Quảng Ngãi	-	36.900.000
Bệnh viện 74 Trung Ương	-	69.500.000
<i>Dư nợ 3388</i>	<i>174.680.000</i>	<i>174.680.000</i>
Công ty CP Đầu tư y tế và Giáo dục Việt Nam	174.680.000	174.680.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.265.221.954</b>	<b>2.266.254.522</b>
<b>4. Hàng tồn kho</b>	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng hóa	1.109.825.912	456.132.752
<b>Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>1.109.825.912</b>	<b>456.132.752</b>
<b>5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	7.615.101	7.615.101
Thuế thu nhập cá nhân	2.979.044	223.283
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	65.059.700	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>75.653.845</b>	<b>7.838.384</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

**6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư ngày 01/01/2014	2.108.002.182	449.890.500	81.922.727	2.639.815.409
Số dư ngày 31/12/2014	2.108.002.182	449.890.500	81.922.727	2.639.815.409
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư ngày 01/01/2014	1.577.335.847	343.520.437	42.440.329	1.963.296.613
Khấu hao trong năm	82.517.016	56.236.320	16.384.560	155.137.896
Số dư ngày 31/12/2014	1.659.852.863	399.756.757	58.824.889	2.118.434.509
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 01/01/2014	530.666.335	106.370.063	39.482.398	676.518.796
Tại ngày 31/12/2014	448.149.319	50.133.743	23.097.838	521.380.900

- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2014 là 299.630.000 đồng.

**7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng (cổ phần)	Giá trị (VND)	Số lượng (cổ phần)	Giá trị (VND)
<b>a. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>		<b>16.099.219.900</b>		<b>14.670.000.000</b>
Công ty CP Thiết bị y tế MEDINSCO	633.237	6.636.219.900	520.700	5.207.000.000
Công ty CP Tư vấn Xây dựng y tế	153.600	1.536.000.000	153.600	1.536.000.000
Công ty CP Nhựa Y tế MEDIPLAST	792.700	7.927.000.000	792.700	7.927.000.000
<b>b. Đầu tư dài hạn khác</b>		<b>14.326.830.000</b>		<b>13.431.000.000</b>
Công ty CP Đầu tư Y tế và giáo dục Việt Nam	105.700	1.057.000.000	105.700	1.057.000.000
Công ty CP MERUFA	594.000	5.940.000.000	594.000	5.940.000.000
Công ty CP Thương mại Đầu tư VIMEC	428.400	4.284.000.000	428.400	4.284.000.000
Tổng Công ty CP Y tế DANAMECO	358.333	3.045.830.000	215.000	2.150.000.000

Lý do thay đổi khoản đầu tư: Ban Giám đốc quyết định bổ sung khoản đầu tư vào Tổng công ty CP Y tế DANAMECO.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2014 như sau:

Tên Công ty	Tỷ lệ vốn góp theo cam kết	Tỷ lệ thực góp	Tỷ lệ lợi ích	Giá trị khoản đầu tư tại 31/12/2014
Công ty CP Thiết bị y tế MEDINSCO	29.22%	29.22%	29.22%	6.636.219.900
Công ty CP Tư vấn Xây dựng y tế	48.00%	48.00%	48.00%	1.536.000.000
Công ty CP Nhựa Y tế MEDIPLAST	48.04%	48.04%	48.04%	7.927.000.000

**8. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa	152.383.631	155.107.857
<b>Tổng cộng</b>	<b>152.383.631</b>	<b>155.107.857</b>

**9. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	01/01/2014	Số phải nộp	Số đã nộp	Đơn vị tính: VND
				31/12/2014
Thuế GTGT	(7.615.101)	128.521.412	128.521.412	(7.615.101)
Thuế TNDN	84.139.870	93.474.901	175.416.810	2.197.961
Thuế thu nhập cá nhân	(223.283)	6.751.583	9.507.344	(2.979.044)
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	(58.846.676)	6.213.024	(65.059.700)
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.422.873.509	2.796.745.340	2.822.873.509	1.396.745.340
<b>Cộng thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>	<b>7.838.384</b>			<b>75.653.845</b>
<b>Cộng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>	<b>1.507.013.379</b>			<b>1.398.943.301</b>

**10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải trả về Cổ phần hóa	-	6.445.272.404
Bảo hiểm xã hội quận Ba Đình	49.684.347	88.600.549
Công ty CP TMDV và Thiết bị y tế Hà Huy	10.000.000	10.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và thương mại H&C	-	36.900.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

Công ty CP Đầu tư PT Thương mại và Du lịch D.I.T.O	49.400.000	-
Phải trả, phải nộp khác	2.997.452	3.432.324
<b>Tổng cộng</b>	<b>112.081.799</b>	<b>6.584.205.277</b>

**11. Vốn chủ sở hữu****11.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ hỗ trợ sắp xếp DN	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư ngày 01/01/2013	43.287.788.896	33.896.496.589	6.151.853.231	83.336.138.716
Lãi trong năm trước	-	-	3.901.905.431	3.901.905.431
Giảm khác	-	-	(3.901.905.431)	(3.901.905.431)
Số dư ngày 01/01/2014	43.287.788.896	33.896.496.589	6.151.853.231	83.336.138.716
Lãi trong năm nay	-	-	4.291.239.852	4.291.239.852
Tăng khác	-	5.669.968.048	2.677.340.000	8.347.308.048
Giảm khác	-	(92.160.000)	(4.306.136.102)	(4.398.296.102)
Số dư ngày 31/12/2014	43.287.788.896	39.474.304.637	8.814.296.981	91.576.390.514

**11.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của Nhà nước	43.287.788.896	43.287.788.896
<b>Tổng cộng</b>	<b>43.287.788.896</b>	<b>43.287.788.896</b>

**11.3 Các quỹ của doanh nghiệp**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2014	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2014
Quỹ đầu tư phát triển	8.908.182.412	2.197.433.868	-	11.105.616.280
Quỹ dự phòng tài chính	910.061.868	-	910.061.868	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>9.818.244.280</b>	<b>2.197.433.868</b>	<b>910.061.868</b>	<b>11.105.616.280</b>

- Quỹ đầu tư phát triển của Tổng Công ty được trích lập với tỷ lệ 30% từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Tổng Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty phù hợp với quy định tại điều lệ Tổng Công ty.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh****12. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu bán thiết bị y tế	29.054.266.231	11.914.160.077
Doanh thu cho thuê văn phòng	377.122.362	202.855.454
<b>Tổng cộng</b>	<b>29.431.388.593</b>	<b>12.117.015.531</b>

**13. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn của thiết bị y tế đã bán	28.508.972.260	11.488.220.968
<b>Tổng cộng</b>	<b>28.508.972.260</b>	<b>11.488.220.968</b>

**14. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi từ tiền cho vay và tiền gửi	2.053.354.499	2.648.631.743
Cổ tức và lợi nhuận được chia	3.982.290.106	3.532.975.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.035.644.605</b>	<b>6.181.606.743</b>

**15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	35.623.227.161	18.299.304.092
Thu nhập miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.982.290.106	3.532.975.000
Doanh thu tính thuế Thu nhập doanh nghiệp	31.640.937.055	14.766.329.092
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	31.216.062.547	14.274.421.851
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	424.874.508	491.907.241
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	25%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	84.974.901	122.976.810

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ****16. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Bù trừ khoản đầu tư với khoản phải trả người bán	1.500.000.000	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

**VIII. Những thông tin khác****1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

**2. Thông tin về các bên liên quan****2.1 Giao dịch các bên liên quan**

	Quan hệ với Tổng Công ty	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Mua hàng</b>		<b>272.727.272</b>	-
Tổng Công ty CP Y tế Danameco	Đơn vị nhận vốn góp	82.545.454	-
Công ty CP Thiết bị y tế MEDINSCO	Công ty liên kết	190.181.818	-
Công ty CP Nhựa y tế MEDIPLAST	Công ty liên kết	8.100.000	-
<b>Bán hàng</b>		<b>113.428.606</b>	<b>296.080.000</b>
Tổng Công ty CP Y tế Danameco	Đơn vị nhận vốn góp	113.428.606	296.080.000
<b>Cho vay</b>		<b>9.500.000.000</b>	<b>8.000.000.000</b>
Công ty CP MERUFA	Đơn vị nhận vốn góp	3.500.000.000	-
Tổng Công ty CP Y tế Danameco	Đơn vị nhận vốn góp	6.000.000.000	6.000.000.000
Công ty CP Nhựa y tế MEDIPLAST	Công ty liên kết	-	2.000.000.000
<b>Lãi vay</b>		<b>605.844.721</b>	<b>1.003.451.111</b>
Công ty CP Nhựa Y tế MEDIPLAST	Công ty liên kết	-	121.940.000
Công ty CP MERUFA	Đơn vị nhận vốn góp	303.094.722	413.611.111
Tổng Công ty CP Y tế DANAMECO	Đơn vị nhận vốn góp	302.749.999	467.900.000
<b>Cổ tức</b>		<b>3.982.290.106</b>	<b>3.532.975.000</b>
Công ty CP Thiết bị y tế MEDINSCO	Công ty liên kết	624.840.000	781.050.000
Công ty CP Nhựa Y tế MEDIPLAST	Công ty liên kết	1.585.225.606	1.189.050.000
Công ty CP MERUFA	Đơn vị nhận vốn góp	831.600.000	891.000.000
Tổng Công ty CP Y tế DANAMECO	Đơn vị nhận vốn góp	940.624.500	671.875.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

**2.2 Thu nhập ban giám đốc được hưởng trong năm**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lương	520.611.018	490.382.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>520.611.018</b>	<b>490.382.000</b>

**2.3 Số dư các bên liên quan**

	Quan hệ với Tổng Công ty	31/12/2014	01/01/2014
		VND	VND
<b>Các khoản phải thu</b>		<b>4.227.375.954</b>	<b>6.130.019.590</b>
<i>Các khoản đầu tư ngắn hạn</i>		<i>3.000.000.000</i>	<i>5.000.000.000</i>
Công ty CP MERUFA	Đơn vị nhận vốn góp	3.000.000.000	5.000.000.000
<b>Các khoản phải thu khác</b>		<b>1.227.375.954</b>	<b>1.097.469.590</b>
<i>Dư Nợ TK 1388</i>			
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Y tế	Công ty liên kết	194.336.528	194.336.528
Công ty CP Thiết bị y tế MEDINSCO	Công ty liên kết	9.509.091	-
Tổng Công ty CP Y tế DANAMECO	Đơn vị nhận vốn góp	4.127.273	-
Công ty CP Đầu tư Y tế và giáo dục Việt Nam	Đơn vị nhận vốn góp	844.723.062	728.453.062
<i>Dư Nợ 3388</i>			
Công ty CP Đầu tư y tế và Giáo dục Việt Nam	Đơn vị nhận vốn góp	174.680.000	174.680.000
<i>Phải thu khách hàng</i>		-	<i>32.550.000</i>
Tổng Công ty CP Y tế DANAMECO	Đơn vị nhận vốn góp	-	32.550.000
<b>Các khoản phải trả</b>		<b>195.400.000</b>	-
<i>Phải trả người bán</i>		<i>195.400.000</i>	-
Công ty CP Thiết bị y tế MEDINSCO	Công ty liên kết	104.600.000	-
Tổng Công ty CP Y tế DANAMECO	Đơn vị nhận vốn góp	90.800.000	-

**3. Những thông tin khác****3.1 Phải thu khách hàng**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Sở Y tế tỉnh Tây Ninh	6.427.182.499	-



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

Công ty CP XD và chuyển giao công nghệ 678	1.557.058.770	-
Bệnh viện Nhi Trung Ương	703.944.000	-
Công ty TNHH sản xuất và thương mại H&C	620.000.000	-
Bệnh viện Quân Y 121 - Cục hậu cần - Quân khu 9	199.275.000	-
Bộ Y tế	150.000.000	-
Ban quản lý Dự án Quận Cái Răng	106.404.250	-
Công ty TNHH Kỹ thuật Đức Anh	98.235.324	-
Bệnh viện đa khoa huyện Thanh Thủy	27.500.000	32.200.000
Trung tâm Y tế huyện Yên Bình	25.080.000	-
Công ty CP Chăm sóc sức khỏe Việt Gia	15.501.458	-
Công ty CP Thiết bị Y tế Việt Gia	8.250.000	-
Công ty CP TMDV và Thiết bị Y tế Hà Huy	2.188.589	689.416.220
Công ty TNHH Dược phẩm Xuân Hòa	691.969	-
Tổng Công ty CP Y tế DANAMECO	-	32.550.000
Bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định	-	125.300.000
Công ty TNHH Thiết bị kỹ thuật y sinh	-	1.375.584.000
Công ty TNHH Hoàn Cầu	-	8.996.800
Công ty CP Vật tư Thiết bị và khoa học kỹ thuật	-	65.100.000
Trung tâm phòng chống HIV/AIDS Hà Nam	-	320.606.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>9.941.311.859</b>	<b>2.649.753.020</b>

**3.2 Trả trước cho người bán**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty TNHH Thiết bị y tế và khoa học kỹ thuật Hà Nội	-	40.316.000
Công ty CP Thiết bị Y tế Việt Gia	419.928.887	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu y tế MAC Việt Nam	4.359.867.640	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.779.796.527</b>	<b>40.316.000</b>

**3.3 Tài sản ngắn hạn khác**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Tạm ứng</b>	<b>266.300</b>	<b>13.935.701</b>
Vũ Quang Tình	-	5.000.000
Trần Lương Tuyên	-	8.935.701
Hà Đăng Hạnh	62.300	-
Nguyễn Hoàng Dương	204.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>266.300</b>	<b>13.935.701</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

**3.4 Phải trả người bán**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty CP chăm sóc sức khỏe Việt Gia	-	374.689.122
Công ty CP TMDV và Thiết bị y tế Hà Huy	5.089.674.761	119.500.040
Công ty TNHH Thiết bị y tế HAMEC	65.000.000	65.000.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ kỹ thuật An Thái	-	337.460.000
DNTN sản xuất Dịch vụ, thương mại Xuân Thắng	1.748.404.800	8.906.176
Công ty TNHH Thương mại và SX Thiết bị y tế Hoàng Nguyễn	157.845.250	361.020.000
Công ty TNHH Vận tải Tùng Anh	-	92.900.000
Công ty CP Thiết bị y tế MEDINSCO	104.600.000	-
Tổng Công ty CP Y tế DANAMECO	90.800.000	-
Công ty TNHH sản xuất và thương mại H&C	149.506.224	-
Cửa hàng thiết bị y tế số 10 Nguyễn Đăng Hiếu	2.500.000	-
Công ty CP Thiết bị METECH	106.674.270	-
Cửa hàng thiết bị y tế Quang Đức	5.000.000	-
Công ty CP Đầu tư PT Thương mại và Du lịch D.I.T.O	1.241.100.000	-
Viện kỹ thuật Hóa sinh & Tài liệu nghiệp vụ	88.180.351	-
Công ty TNHH Phát triển cơ khí Nam Hà Nội	64.200.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.913.485.656</b>	<b>1.359.475.338</b>

**3.5 Người mua trả tiền trước**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ban Quản lý dự án vùng căn cứ cách mạng	5.376.521.465	-
Công ty Thiết bị Y tế Thái An	184.631.000	-
Trung tâm tim mạch bệnh viện E	1.109.347.500	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.670.499.965</b>	<b>-</b>

**3.6 Chi phí bán hàng**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	2.864.181
Chi phí khác bằng tiền	44.578.560	59.837.708
<b>Tổng cộng</b>	<b>44.578.560</b>	<b>62.701.889</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

**3.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.465.820.400	1.479.602.859
Chi phí vật liệu quản lý	44.343.637	97.307.088
Chi phí đồ dùng văn phòng	135.880.458	121.803.015
Chi phí khấu hao tài sản cố định	155.137.896	242.784.949
Thuế, phí và lệ phí	9.213.024	6.596.016
Chi phí dịch vụ mua ngoài	111.263.817	121.131.843
Chi phí bằng tiền khác	740.852.496	654.273.224
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.662.511.728</b>	<b>2.723.498.994</b>

**3.8 Thu nhập khác**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Phạt vi phạm hợp đồng	59.474.916	-
Tiền thuê đất được giảm	65.059.700	-
Thu nhập khác	31.659.347	681.818
<b>Tổng cộng</b>	<b>156.193.963</b>	<b>681.818</b>

**3.9 Chi phí khác**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tiền lãi nộp chậm BHXH, tiền lãi chậm nộp thuế	30.949.860	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>30.949.860</b>	<b>-</b>

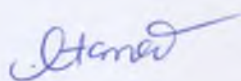
**4. Thông tin so sánh**

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2013 của Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2015

CÔNG TY TNHH MTV TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NAM

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hằng

Tổng giám đốc



Trịnh Văn Mạo